

CHƯƠNG 6: CÁC THÌ HAY GẶP TRONG TOEIC VÀ THỂ BỊ ĐỘNG

THÌ	THỂ CHỦ ĐỘNG	THỂ BỊ ĐỘNG	TỪ NHẬN BIẾT CÁC THÌ
1. Hiện tại đơn	Vo/s/es	AM/ IS/ ARE+ P.P	Always, often, usually, every day,
	Non <u>writes</u> a letter.	A letter <u>is written</u> by Non.	
2. Quá khứ đơn	V-ed/2	WAS/ WERE+ P.P	Yesterday, last week/ month/ year, ago, in 2000...
	Non <u>wrote</u> a letter yesterday.	A letter <u>was written</u> (by Non) yesterday.	
3. Tương lai đơn	WILL+ Vo	WILL BE+ P.P	
	Non <u>will write</u> a letter.	A letter <u>will be written</u> by Non.	
4. Hiện tại tiếp diễn	AM/ IS/ ARE+ V-ING	AM/ IS/ ARE+ BEING+ P.P	Now, right now, at present, at the moment, be quiet!...
	Non <u>is writing</u> a letter now.	A letter <u>is being written</u> by Non now.	
5. Quá khứ tiếp diễn	WAS/ WERE+ V-ING	WAS/ WERE+ BEING+ P.P	While, at 10p.m last night...
	Non <u>was writing</u> a letter at 10 a.m yesterday.	A letter <u>was being written</u> (by Non) at 10 a.m yesterday.	
6. Tương lai tiếp diễn	WILL BE+ V-ING	WILL BE+ BEING+ P.P	Next week/ year, soon, in the future...
	Non <u>will be writing</u> a letter soon.	A letter <u>will be being written</u> (by Non) soon.	
7. Hiện tại hoàn thành	HAVE/ HAS+ P.P	HAVE/ HAS+ BEEN+ P.P	Not...yet, already, since, for, recently...
	Non <u>has written</u> a letter.	A letter <u>has been written</u> (by Non).	
8. Quá khứ hoàn thành	HAD+ P.P	HAD BEEN+ P.P	As soon as, after, before, by the time, when, just, since, for...
	Non <u>had written</u> a letter before 10 p.m yesterday.	A letter <u>had been written</u> (by Non) before 10 p.m yesterday.	
9. Tương lai hoàn thành	WILL HAVE+ P.P	WILL HAVE BEEN+ P.P	
	Non <u>will have written</u> a letter.	A letter <u>will have been written</u> (by Non).	
10. Tương lai gần	AM/ IS/ ARE+ GOING TO+ Vo	AM/ IS/ ARE+ GOING TO BE+ P.P	

	Non <u>is going to write</u> a letter.	A letter <u>is going to be written</u> (by Non).	
11. Động từ khiếm khuyết	CAN/ MAY/ MUST/ SHOULD/ HAVE TO+ V_o	CAN/ MAY/ MUST/ SHOULD/ HAVE TO+ BE+ P.P	
	Non <u>should write</u> a letter.	A letter <u>should be written</u> (by Non).	

CÁCH LÀM BÀI TẬP

I. XÉT CHỦ ĐỘNG- BỊ ĐỘNG KẾT HỢP 2 CÁCH

- Chủ động: Chủ ngữ tự thực hiện hành động
 - Bị động: Được ai đó làm hành động
- Xét chủ ngữ là người hay vật:
 - Người, tổ chức **thường** mang nghĩa chủ động
 - Vật **thường** mang nghĩa bị động.

Ex 1: Whether you _____ discussions or are new to leading discussions, we trust that this guide will be helpful.

- | | | | |
|-------------------|-------------------|---|---------------------------|
| (A) has been led | ✓ lead discussion | : | điều khiển cuộc thảo luận |
| (B) have been led | ✓ trust | : | tin tưởng |
| (C) has led | ✓ guide | : | hướng dẫn |
| (D) have led | | | |

Ex 2: Even though construction _____ by unexpected electrical storms, the new office building was still finished in a timely manner.

- | | | | |
|---------------------|----------------------|---|-------------------|
| (A) interrupts | ✓ construction | : | việc xây dựng |
| (B) to interrupt | ✓ office building | : | tòa nhà văn phòng |
| (C) was interrupted | ✓ in a timely manner | : | một cách kịp thời |
| (D) be interrupted | ✓ interrupt | : | gián đoạn |

II. Mẹo làm nhanh

- Nếu phía sau chỗ trống có **DANH TỪ/ CỤM DANH TỪ/ TÂN NGỮ** => chia **CHỦ ĐỘNG**

- Nếu phía sau chỗ trống là **“BY/ TO V_o/ GIỚI TỪ”** => chia **BỊ ĐỘNG** (luôn có p.p)

Ex 3: The falling price of Chinese-made electronics last year _____ a number of companies to plan innovations to their products.

- | | | | |
|-------------|-----------------------|---|----------------------|
| (A) causing | ✓ to plan innovations | : | lên kế hoạch đổi mới |
|-------------|-----------------------|---|----------------------|

- | | | | |
|----------------|-----------|---|-----------------|
| (B) causes | ✓ product | : | sản phẩm |
| (C) has caused | ✓ cause | : | gây ra, làm cho |
| (D) is caused | | | |

Ex 4: The newest prototype _____ to give the engineers at Nova Enterprises a marked advantage over their competition.

- | | | | |
|------------------|----------------------|---|----------------------|
| (A) expects | ✓ newest prototype | : | mẫu ban đầu mới nhất |
| (B) is expected | ✓ a marked advantage | : | một lợi thế đáng kể |
| (C) expected | ✓ competition | : | đối thủ cạnh tranh |
| (D) had expected | ✓ expect | : | mong chờ |

III. - Một số động từ **thường** không sử dụng bị động:



result	inquire	operate	receive
---------------	----------------	----------------	----------------



meet	undergo	specialize
------	---------	------------

- Một số động từ **thường** sử dụng bị động:



located, situated	enclosed, attached
--------------------------	---------------------------

Ex: My house **is located** just a few minutes from the main station.



1. Last month, the manager _____ to the president that he hire a specialist to run the communication network.

- A. suggested
- B. suggest
- C. are suggesting
- D. suggestion

✓ hire (v): thuê, tuyển dụng

✓ specialist (N): chuyên gia

✓ run (v): quản lý

✓ communication network (N): mạng truyền thông

2. All red sticker items _____ discounted 50% for the next 20 minutes.

- A. had been
- B. will
- C. are being
- D. had

✓ item (N): hàng hóa

3. The most recent polls _____ that the use of broadband Internet connections is on the rise.

- A. shown
- B. show
- C. shows
- D. did showed

✓ poll (N): cuộc bỏ phiếu

✓ show (v): chỉ ra, cho thấy

4. We _____ Anna since last Saturday.

- A. don't see
- B. haven't seen
- C. didn't see
- D. hadn't seen

5. The train _____ half an hour ago.

- A. has been leaving
- B. left
- C. has left
- D. had left

6. I _____ Texas State University now.

- A. am attending
- B. attend
- C. was attending
- D. attended

7. Christopher Columbus _____ American more than 500 years ago.

- A. discovered
- B. has discovered
- C. had discovered
- D. had been discovering

8. I _____ to music in the room right now.

- A. am listening
- B. was listening
- C. have been listening
- D. listens

9. The president has _____ a new strategy to increase sales.

- (A) proposing
- (B) proposed
- (C) been proposed
- (D) propose

✓ strategy (N): chiến lược

✓ sales (N): doanh thu

✓ propose (v): đề xuất

10. The research and development budget has _____ substantially.

- (A) reduced
- (B) reduces

(C) been reduced

(D) be reduced

✓ research and development budget (N): ngân sách nghiên cứu và phát triển

✓ substantially (adv): một cách đáng kể

✓ reduce (v): giảm

11. The new employee handbook was _____ to all employees.

(A) distributed

(B) distributing

(C) distributes

(D) distribute

✓ distribute (v): phân phát

12. All teens and their friends are _____ for an end-of-the-summer ice cream party.

(A) invite

(B) invited

(C) inviting

(D) invites

13. All the food for the party will _____ along with cards and various games.

(A) provide

(B) provides

(C) provided

(D) be provided

✓ along with: cùng với

✓ provide (v): cung cấp

14. The e-mail addresses and telephone numbers should be _____ carefully in the blanks.

(A) written

(B) write

(C) wrote

(D) writing

15. A thank-you card has been _____ to Ms Non, the president of Non Non company, for her generous donation to the charity.

(A) sends

(B) send

(C) sending

(D) sent

✓ generous donation (N): sự quyên góp hào phóng

✓ charity (N): việc từ thiện

16. Registration is _____ to join the event.

(A) requiring

(B) requires

(C) require

(D) required

✓ Registration (N): việc đăng kí

17. Though a great deal of money had _____, the project was a failure.

(A) invested

(B) be invested

(C) been invested

(D) invest

✓ project (N): dự án

✓ failure (N): sự thất bại

✓ invest (v): đầu tư

18. Because of a mechanical problem, the replacement parts could not _____ by tomorrow.

(A) shipped

(B) be shipped

(C) be shipping

(D) ship

✓ mechanical problem (N): vấn đề kỹ thuật

✓ replacement parts (N): bộ phận thay thế

19. Mr. David announced that the construction work was expected to be _____ early spring.

(A) completed

(B) completion

(C) completes

(D) completing

✓ construction (N): việc xây dựng

20. Mr. Thomas and Ms. Vasquez _____ to work together on the market research project.

(A) assigned

(B) assigning

(C) will assign

(D) have been assigned

✓ market research (N): nghiên cứu

✓ assign (v): chỉ định